TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **119**/2019/HS-ST
Ngày: 12/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phước Mãng.

Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Hữu P; Sinh ngày: 01/02/1990; Tại: Tỉnh Bạc Liêu; Thường trú: Khu vực 5, phường E, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú: 38/7K ấp XTĐ2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Hữu H (chết) và bà: Huỳnh Thị X; Có vợ: Là bà Nguyễn Thị Mai T và con: Có 01 người con, sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 24/6/2010, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 188/2010/HSST). Bị cáo chưa thi hành xong phần án phí (Công văn trả lời xác minh số: 2319/CCTHADS ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh); Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 12/8/2019.

(có mặt)

- Bị hại:

Bà Võ Kim L; Sinh ngày: 08/12/1947; Trú tại: 34 Lô O đường PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Hữu H1; Sinh năm: 1980; Thường trú: Ấp NÔ, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Ấp BT2, xã ĐHH, huyện ĐH, tỉnh Long An.

(vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Mai T; Sinh năm: 1988; Trú tại: 38/7K ấp XTĐ2, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 21/3/2019, Phạm Hữu P gọi điện thoại cho bạn, nhưng đã gọi nhầm vào số điện thoại 0775152883 của bà Võ Kim L. Qua nói chuyện, P biết bà L đang nhầm tưởng P là con rể của bà đang định cư bên Mỹ, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà L. Để thực hiện ý định, P tự nhận là con rể của bà L và hỏi mượn bà L 10.000.000 đồng để trả tiền hàng. Sau khi bà L đồng ý, P kêu bà L chuyển tiền vào tài khoản 4354587 mang tên Phạm Hữu P mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (gọi tắt là Ngân hàng ACB). Đến 15 giờ cùng ngày, bà L đem 10.000.000 đồng đến Ngân hàng ACB tại địa chỉ: 269-271 đường BT, Phường H, Quận F chuyển vào số tài khoản trên cho P.

Và liên tục từ ngày 22/3/2019 đến ngày 28/3/2019, cũng với thủ đoạn tương tự, Phạm Hữu P đã nhiều lần gọi cho bà L hỏi mượn tiền và bà L đã chuyển tiền vào số tài khoản 4354587 cho P tổng cộng 73.000.000 đồng, cụ thể: Sáng ngày 22/3/2019, bà L chuyển cho P 15.000.000 đồng; chiều ngày 23/3/2019, bà L chuyển cho P 25.000.000 đồng; sáng ngày 25/3/2019, bà L chuyển cho P 23.000.000 đồng; ngày 26/3/2019, bà L chuyển cho P 5.000.000 đồng; ngày 28/3/2019, bà L chuyển cho P 5.000.000 đồng.

Sau khi biết P không phải là con rể của mình, ngày 22/4/2019 bà L đến Công an Phường 8, Quận 6 trình báo sự việc.

Qua truy xét, ngày 07/8/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 bắt giữ Phạm Hữu P. Qua đấu tranh, P khai: Lợi dụng lòng tin của bà Võ Kim L, P đã giả làm con rể của bà L rồi nhiều lần gọi điện thoại cho bà L hỏi mượn tiền nhằm chiếm đoạt và tính đến ngày bị bắt, P đã chiếm đoạt của bà L tổng cộng 83.000.000 đồng. Sau khi có tiền, P gửi cho anh của P là Phạm Hữu H1 11.000.000 đồng, số còn lại P trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Mai T (vợ của Phạm Hữu P) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động hiệu Itel, vỏ màu xanh dương, số Imei 1: 354083090537521, số Imei 2: 354083090537539, bên trong có 01 sim điện thoại mã số: 89840509181148161018 (số thuê bao 0921190110).

Ông Phạm Hữu H1 (anh của Phạm Hữu P) giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 11.000.000 đồng để trả cho bà Võ Kim L.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định số: 506/QĐTCGĐ-CQĐT (KT) về việc trưng cầu giám định: 01 Giấy lĩnh tiền có đóng dấu Ngân hàng Á Châu - PGD Nguyễn Ảnh Thủ, người lĩnh tiền: Phạm Hữu P, đề ngày 25/3/2019 (ký hiệu A) với 01 Bản tự khai của Phạm Hữu P, SN 1990, HKTT: Ấp NÔ - thị trấn PL - tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 08/8/2019 (ký hiệu M1); 01 Biên bản thu mẫu chữ ký, chữ viết Phạm Hữu P, SN 1990, nơi cư trú: Ấp NÔ - thị trấn PL - huyện PL - tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 08/8/2019 (ký hiệu M2). Và tại Kết luận giám định số: 1425/KLGĐ-TT ngày 12 tháng 8 năm 2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên «Phạm Hữu P» dưới mục «Chủ tài khoản» và mục «Người lĩnh tiền» trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Hữu P trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định số: 530/QĐTCGĐ-CQĐT (KT) về việc trưng cầu giám định: 01 bộ hồ sơ hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán số 4354587, bên A: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB) PGD Nguyễn Ảnh Thủ, bên B: Phạm Hữu P, đề ngày 25/02/2019 (ký hiệu A) với 01 Bản tự khai của Phạm Hữu P, SN 1990, HKTT: Ấp NÔ - thị trấn PL - tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 08/8/2019 (ký hiệu M1); 01 Biên bản thu mẫu chữ ký, chữ viết Phạm Hữu P, SN 1990, nơi cư trú: Ấp NÔ - thị trấn PL - huyện PL - tỉnh Bạc Liêu, đề ngày 09/8/2019 (ký hiệu M2). Và tại Kết luận giám định số: 1495/KLGĐ-TT ngày 10 tháng 9 năm 2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Hữu P trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký và viết ra.

Đối với ông Phạm Hữu H1 là người có hành vi cất giữ số tiền 11.000.000 đồng, nhưng ông H1 không biết đó là tiền do Phạm Hữu P phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 126/CTr-VKS-Q6 ngày 16 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Hữu P về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Hữu P khai sau khi biết bà Võ Kim L nhầm tưởng bị cáo là con rể của bà đang định cư ở Mỹ, bị cáo đã giả vờ hỏi mượn tiền của bà L để trả tiền hàng. Và tính đến ngày bị bắt, thông qua số tài khoản 4354587 mang tên Phạm Hữu P mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu, bị cáo đã liên tiếp 06 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bà L tổng cộng là 83.000.000 đồng như nội dung bản cáo trạng nêu;

Bị hại Võ Kim L khai cũng tương tự và xác nhận gia đình bị cáo Phạm Hữu P đã khắc phục cho bà 21.000.000 đồng, còn thiệt hại 62.000.000 đồng, bà L yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Hữu P như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Phạm Hữu P từ 04 năm đến 05 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g, điểm h, điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Phạm Hữu P bồi thường cho bà Võ Kim L số tiền 62.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Itel, vỏ màu xanh dương, số Imei 1: 354083090537521, số Imei 2: 354083090537539.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại mã số: 89840509181148161018 (số thuê bao 0921190110).

Lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Hữu P nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Phạm Hữu P, của bà Võ Kim L tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định; hồ sơ Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán số 4354587; Giấy nộp tiền vào tài khoản của bà Võ Kim L; Giấy lĩnh tiền ngày 25/3/2019 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Phòng giao dịch Nguyễn Ảnh Thủ (người lĩnh tiền Phạm Hữu P) và lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Hữu P đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phạm Hữu P đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bà Võ Kim L bằng cách giả làm con rể của bà Liễu và nhiều lần gọi điện thoại cho bà L hỏi mượn tiền để trả tiền hàng. Vì lầm tưởng bị cáo chính là con rể của mình đang định cư ở Mỹ, nên bà L đã nhiều lần đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu tại địa chỉ: 269-271 đường BT, Phường H, Quận F chuyển tiền cho bị cáo và tính đến ngày bị bắt, thông qua số tài khoản 4354587 mang tên Phạm Hữu P mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu, bị cáo đã chiếm đoạt của bà L tổng cộng 83.000.000 đồng. Hành vi này của bị cáo Phạm Hữu P không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Phạm Hữu P là người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo Phạm Hữu P đã liên tiếp 06 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Võ Kim L, sinh ngày 08/12/1947, là phạm tội thuộc các trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên», «Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên». Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản (ngày 24/6/2010 bị cáo Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án về tội «Trộm cắp tài sản»), chưa được xóa án tích (bị cáo chưa đóng án phí) mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm. Đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, điểm h, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Hữu P là nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Sau sự việc xảy ra, gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Phạm Hữu P còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả

năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo Phạm Hữu P đã chiếm đoạt của bà Võ Kim L tổng cộng 83.000.000 đồng. Quá trình điều tra, ông Phạm Hữu H1 đã giao nộp 11.000.000 đồng để cho bà L, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà L 10.000.000 đồng, còn thiệt hại 62.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà số tiền này. Xét yêu cầu của bà L là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bà Võ Kim L có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Phạm Hữu P chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Phạm Hữu P còn phải trả bà Võ Kim L khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Việc xử lý vật chứng: Phương tiện mà bị cáo Phạm Hữu P dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Itel, vỏ màu xanh dương, số Imei 1: 354083090537521, số Imei 2: 354083090537539, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Còn 01 sim điện thoại mã số: 89840509181148161018 (số thuê bao 0921190110), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 93/PNK ngày 10 tháng 8 năm 2019 của Công an Quận 6 - BL105).

[8] Đối với ông Phạm Hữu H1, Viện kiểm sát xác định ông H1 không biết rõ số tiền 11.000.000 đồng mà bị cáo Phạm Hữu P gửi ông giữ là tiền do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Bị cáo Phạm Hữu P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Phạm Hữu P** phạm tội: «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản».

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g, điểm h, điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Hữu P** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Hữu P bồi thường cho bà Võ Kim L 62.000.000 (sáu mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Võ Kim L có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Phạm Hữu P chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Phạm Hữu P còn phải trả bà Võ Kim L khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Itel, vỏ màu xanh dương, số Imei 1: 354083090537521, số Imei 2: 354083090537539.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại mã số: 89840509181148161018 (số thuê bao 0921190110).

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Hữu P phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.100.000 (ba triệu một trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Phạm Hữu P; bị hại Võ Kim L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Liên